**TUẦN 33**

**Tiết 1**

Tiếng việt ( Tăng )

**Luyện tập:Viết thư làm quen**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù**

- H/s nắm được cách viết một bức thư ngắn cho một bạn nhỏ nước ngoài để làm quen và bày tỏ tình thân ái.

- Lá thư trình bày đúng thể thức, đủ ý, dùng từ đặt câu đúng, thể hiện tình cảm với

người nhận thư.

**2. Năng lực chung.**

+ NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng.

**3. Phẩm chất:**

- Giáo dục tình hữu nghị, thân ái với bạn bè nước ngoài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. Bảng phụ viết các gợi ý.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động**  - Một bức thư gồm những phần gì?  - Đó là những phần nào?  - Nhận xét, đánh giá  **2. Luyện tập** - Nêu Yêu cầu cần đạt, yêu cầu tiết học.  - Ghi bảng.  **Hướng dẫn viết thư :**  Treo bảng phụ  - Gọi 1 em nêu yc và đọc gợi ý trên bảng phụ.  - Hướng dẫn học sinh xác định:  + Thể loại?  + Đối tượng?  + Nội dung?  - Nội dung thư thể hiện điều gì?  - Hướng dẫn H/s hình thức trình bày lá thư.  + Dòng đầu thư ghi gì?  + Lời xưng hô với bạn như thế nào?  + Nội dung thư cần viết gì?  + Cuối thư viết gì?  - YC H/s nhắc lại hình thức bức thư.  - Yc hs viết ra nháp ý chính rồi viết vào vở  - Gọi 1 số em đọc bài viết thư của mình.  - GV cùng cả lớp nhận xét bài viết hay.  - GV nhận xét về: + Nội dung.  + Cách diễn đạt.  - Y/c H/s viết bài vào vở.  - GV thu vở, nhận xét một số bài.  **3. Vận dụng:**  - Hướng dẫn H/s viết phong bì thư, dán tem, đặt lá thư vào phong bì để gửi qua đường bưu điện.  - Nhận xét giờ học. | - H/s trả lời:  - Phần đầu: Ghi địa điểm, thời gian  viết thư, lời xưng hô  - Nội dung thư  - Cuối thư: Lời chào, chữ kí và tên.  Ghi vở, mở SGK.  - H/s đọc yêu cầu và gợi ý trên bảng phụ. Lớp đọc thầm theo.  + Văn viết thư  + 1 người bạn  + Làm quen và bày tỏ tình thân ái.  H/s : Mong muốn làm quen và bày tỏ tình thân ái.  Ghi nơi viết, ngày, tháng, năm.  Bạn thân mến!  Làm quen, thăm hỏi, bày tỏ tình thân ái. Lời chúc, hứa hẹn.  Lời chào, chữ kí và tên.  - 1 H/s nhắc lại hình thức của bức thư.  - H/s viết ra nháp.  - Một số H/s đọc bài.  - H/s viết vào vở  - KK H/s viết bức thư  có cảm xúc.  - Sửa bài, rút kinh nghiệm.  - H/s lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………….**

**Tiết 2**

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập về câu khiến**

**I**.**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1. Năng lực đặc thù.**

- Ôn luyện về câu khiến: Tìm được câu khiến; đặt được câu khiến.

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  - Em hãy đặt một câu khiến để mượn bạn một đồ dùng học tập?  - Câu khiến có tác dụng gì?  - Cuối câu khiến dùng dấu gì? | - HS nối tiếp đặt câu  VD: Bạn cho tớ mượn cái kéo đi!  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,… của người nói, người viết với người khác. Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm.* | - HS lắng nghe |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1:Tìm và gạch chân dưới câu khiến trong những câu dưới đây:   1. Ngày xưa có một năm nắng hạn rất lâu, ruộng đồng nứt nẻ, cây cỏ trơ trụi, chim muông khát khô cả họng.Trời sợ trần gian nổi loạn , dịu giọng nói:   – Thôi, cậu hãy về đi. Ta sẽ cho mưa xuống !   1. Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật nhanh nhất.   Ngựa Con thích lắm. Chú sửa soạn không biết chán và mải mê soi bóng mình dưới dòng suối trong veo.  Ngựa Cha thấy thế bảo:   * Con trai à, con phải đến bác thợ rèn để xem lại bộ móng. Nó cần thiết cho cuộc đua hơn là bộ đồ đẹp. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu khiến.  - Câu khiến trong đoạn văn dùng để làm gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện HS trình bày  Đáp án  a. – Thôi, cậu hãy về đi.  b. Con trai à, con phải đến bác thợ rèn để xem lại bộ móng.  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,… của người nói, người viết với người khác* | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 2: Khoanh vào chữ cái trước câu khiến trong các câu dưới đây:  a. Bà em đang cắt ổi.  b. Em nên luyện đọc nhiều hơn !  c. Em đã làm bài tập chưa ?  d. A, bạn Linh có chiếc cặp đẹp quá! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu khiến. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: khoanh vào b  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: *Câu a là câu kể một sự việc, câu b là câu khiến, câu c là câu hỏi, câu d là câu cảm.* | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 3: Chuyển các câu sau thành câu khiến:  a. An làm bài tập đầy đủ .  b. Các bạn trong lớp đoàn kết, yêu thương nhau.  c. Con giặt quần áo đi nhé ! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4chuyển câu kể thành câu khiến.  - Muốn chuyển câu kể thành câu khiến ta làm thế nào? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện lên bảng chữa bài  Đáp án:  a. An phải làm bài tập đầy đủ !  b Các bạn trong lớp *nên* đoàn kết, yêu thương nhau .  c. Con *hãy* giặt quần áo đi nhé !  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Muốn chuyển câu kể thành câu khiến ta có thể thêm từ hãy, đừng, chớ, nên, phải, …vào trước từ chỉ hoạt động hoặc thêm từ nên, đi, thôi, nào,… vào cuối câu.* | - HS nghe và ghi nhớ |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4:**Hãy đặt 3 câu khiến với các từ: hãy , đừng, mong | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu khiến theo yêu cầu.  - Khi đặt câu khiến đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  a. Bạn hãy cho mình đi cùng xe nhé !  b. Bố đừng hút thuốc nữa !  c. Mong các bạn trong lớp luôn đoàn kết .  - HS nêu  - HS khác nhận xét |
| \*GV chốt: *Khi đặt câu khiến đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm hoặc dấu chấm than*. | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………….**